

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP KHAI THÁC, CHẾ BIẾN ĐÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG Ở HUYỆN THANH LIÊM, TỈNH HÀ NAM

LÊ VĂN HÀ, ĐOÀN THỊ THU HƯƠNG

Tóm tắt: Thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là một tiếp cận chính sách hiệu quả để giảm thiểu các tác động tiêu cực của doanh nghiệp lên môi trường tự nhiên và xã hội. Từ góc độ địa lý chính trị và tiếp cận định tính, nghiên cứu làm rõ thực trạng và nhận diện một số vấn đề trong thực thi trách nhiệm xã hội môi trường của các doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Thanh Liêm (tỉnh Hà Nam). Kết quả cho thấy, hai doanh nghiệp nghiên cứu trường hợp đã thực thi trách nhiệm xã hội môi trường. Đồng thời, có sự cải thiện đáng kể về thực thi trách nhiệm xã hội môi trường ở các doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng so với 5 năm trước. Bài viết cho rằng, để thực thi trách nhiệm xã hội môi trường cần gắn với bối cảnh địa lý kinh tế, chính trị và trong bối cảnh cụ thể tại huyện Thanh Liêm, cần sự giám sát chặt chẽ của Nhà nước, người dân và các bên liên quan khác.

Từ khóa: trách nhiệm xã hội môi trường, môi trường, doanh nghiệp

RESPONSIBILITIES FOR ENVIRONMENT PROTECTION OF THE STONE MINING AND PROCESSING ENTERPRISES OF CONSTRUCTION MATERIAL IN THANH LIEM DISTRICT, HA NAM PROVINCE

Abstract: The pursuit of social responsibility in manufacturing is an effective policy approach to minimize the negative impacts of businesses on the natural and social environment. From a geopolitical perspective and a qualitative approach, the study clarifies the current situation and identifies a number of issues in the implementation of social and environmental responsibility of enterprises exploiting and processing building materials in Thanh Liem district (Ha Nam province). The results show that environmental social responsibility in two enterprises selected for the case study has been pursued. At the same time, there is a significant improvement in the implementation of environmental social responsibility in other mining enterprises in stone processing for construction materials compared to that of 5 years ago. The article suggests that, in order for construction materials stone processing enterprises to implement social and environmental responsibilities, it is necessary to link them to the specific geographical, economic, and political context of Thanh Liem district, close supervision by the State, the local people, and other stakeholders.

Keywords: environmental social responsibility, environment, business

1. Đặt vấn đề

Trách nhiệm xã hội (TNXH) của doanh nghiệp là sự cam kết tự nguyện của doanh nghiệp để tạo ra đóng góp dài hạn cho sự phát triển xã hội hoặc bảo vệ và cải thiện môi trường [4]. TNXH của doanh nghiệp là một khái niệm

đa chiều, bao gồm nhiều chiều cạnh khác nhau như kinh tế, xã hội, môi trường, chính trị, quyền con người, cân bằng giới, sức khỏe [9]. Theo Trường kinh doanh Harvard, TNXH của doanh nghiệp bao gồm 4 khía cạnh chính như trách nhiệm kinh tế, môi trường, đạo đức, từ thiện

[16]. Trong đó, trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp được đánh giá là một khía cạnh quan trọng của TNXH [1]. Hoạt động thể hiện trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp như hỗ trợ tài chính cho cộng đồng địa phương, đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển, trồng cây xanh, phục hồi môi trường sau khai thác, tuân thủ các qui định bảo vệ môi trường (BVMT) trong quá trình hoạt động, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên, tái chế và tái sử dụng chất thải...

Một số quốc gia như Mỹ, Indonesia, Ủy ban châu Âu đã xây dựng khung khổ pháp lý, định hướng và chiến lược thực hiện TNXH của doanh nghiệp [4, 9]. Tuy nhiên, từ kết quả nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn thực hiện TNXH công bố gần đây cho thấy, vẫn còn khoảng cách khá lớn giữa lý thuyết và thực tế thực thi TNXH của doanh nghiệp giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển, giữa các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ [8]. Ở các nước phát triển, khái niệm TNXH của doanh nghiệp hàm ý rằng một công ty có trách nhiệm đạo đức thực hiện TNXH một cách tự nguyện và đề cao pháp luật. Ngược lại, ở các nước đang phát triển, với nền tảng pháp luật còn nhiều hạn chế, đồng thời phần lớn các doanh nghiệp là doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn lực tài chính có hạn, nên việc thực thi TNXH theo quan niệm giống như các nước phát triển sẽ rất khó đạt được.

Thanh Liêm là địa bàn trọng điểm về khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng của tỉnh Hà Nam, nơi tập trung nhiều mỏ và doanh nghiệp hoạt động. Các doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng đã có những đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế địa phương, tạo việc làm ổn định cho hơn 6.719 lao động với thu nhập trung bình từ 8 - 15 triệu đồng/tháng; đóng góp vào ngân sách nhà nước từ nguồn thu thuế tài nguyên với giá trị tăng dần, từ 160,7 tỷ đồng (năm 2020) lên 317,9 tỷ đồng (năm 2021).

Tuy nhiên, hoạt động khai thác, chế biến vật liệu xây dựng đã gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, nồng độ bụi ở một số vị trí khu vực phía Tây sông Đáy đã vượt ngưỡng tiêu chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT từ 1,6 - 4,2 lần [11]. Điều này đặt ra câu hỏi về trách nhiệm BVMT của các doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng theo các qui định BVMT.

Bài báo này với mục tiêu nhận diện một số vấn đề trong thực thi TNXH môi trường của các doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng tại huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Ngoài các dữ liệu sơ cấp thu thập từ phỏng vấn sâu doanh nghiệp, người dân và chính quyền địa phương, nghiên cứu sử dụng các nguồn dữ liệu thứ cấp: báo cáo đánh giá tác động môi trường của doanh nghiệp, các báo cáo, kết luận thanh tra của chính quyền địa phương liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các vấn đề môi trường.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: được sử dụng để thu thập thông tin, hoạt động của các doanh nghiệp theo các tiêu chí lựa chọn.

Tiến hành phỏng vấn sâu đại diện một số doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng; đại diện một số hộ dân sinh sống xung quanh mỏ khai thác đá và chính quyền địa phương (cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Liêm, lãnh đạo UBND xã Thanh Thủy).

- *Phương pháp quan sát theo tuyến và điểm*: tiến hành khảo sát theo tuyến, điểm tại xã Thanh Thủy, gồm mỏ khai thác đá, tuyến và điểm vận chuyển vật liệu từ mỏ xuống thuyền để kiểm chứng quá trình thực hiện TNXH môi trường của doanh nghiệp; quan sát tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác, sản xuất và vận chuyển vật liệu xây dựng của các doanh

ngành trên địa bàn xã Thanh Thủy và thị trấn Kiện Khê. Các công cụ hỗ trợ như quan sát trực tiếp, sổ ghi chép thực địa.

- *Phương pháp phân tích nội dung*: sử dụng để phân tích nội dung các báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, báo cáo thanh tra của các sở, ngành và một số xã trực thuộc huyện Thanh Liêm... để chiết suất thông tin, số liệu và các hoạt động thực thi trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái niệm, tiêu chí đánh giá trách nhiệm xã hội môi trường của doanh nghiệp

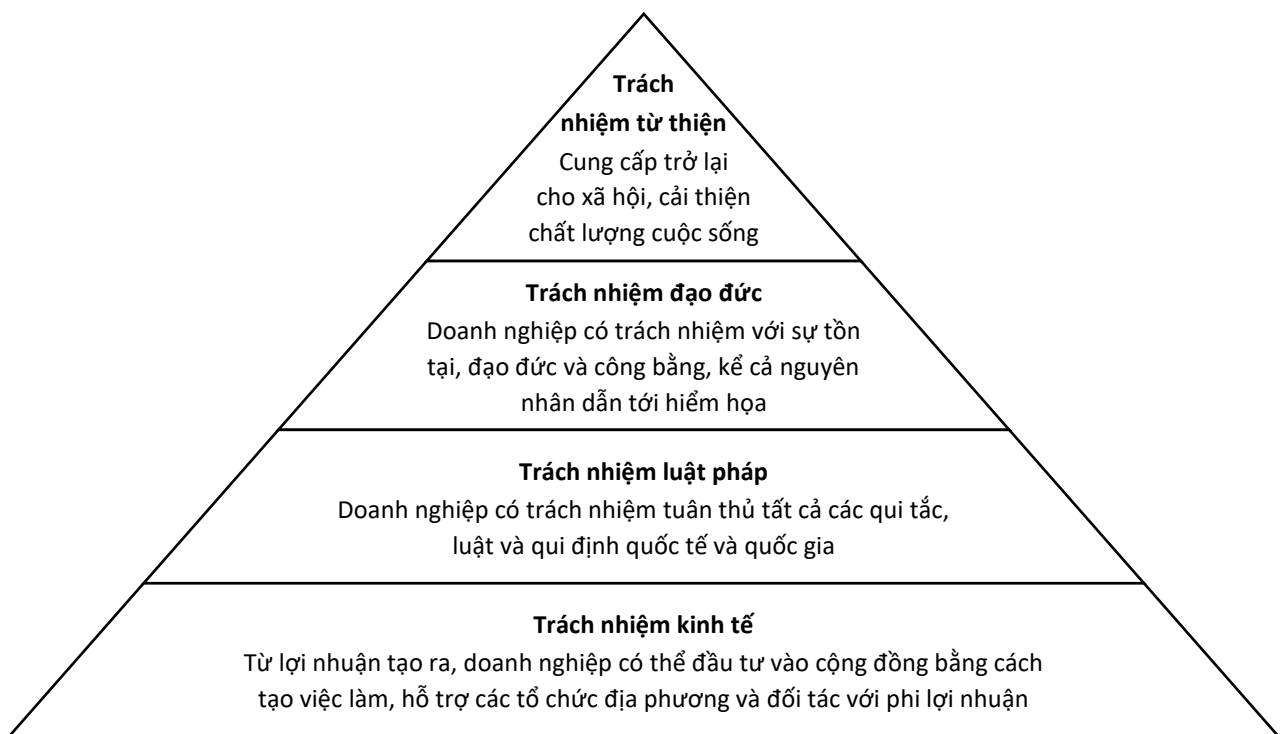
a. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Thuật ngữ TNXH lần đầu tiên được Howard Bowen sử dụng trong cuốn sách “Trách nhiệm xã hội của doanh nhân” xuất bản năm 1953 ở Mỹ. Tác giả định nghĩa: *“TNXH giống như trách nhiệm của doanh nhân để theo đuổi các chính sách, quyết định hoặc tuân thủ theo đường lối hành động chung nhằm vừa thỏa mãn được*

các mục tiêu của doanh nghiệp vừa thỏa mãn được các giá trị của xã hội nói chung”. Mục đích hướng đến của TNXH không chỉ giải quyết các vấn đề giữa doanh nghiệp và xã hội, mà còn như một cơ chế để hỗ trợ cho sự phát triển của doanh nghiệp [3].

Theo Carroll (1991): *“TNXH là sự đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp cho phát triển bền vững vượt ra ngoài những đòi hỏi của thể chế”* [5]. Carroll chia TNXH của doanh nghiệp thành 4 cấp độ (kinh tế, luật pháp, đạo đức và từ thiện) (Hình 1). Trong đó, TNXH về kinh tế là trách nhiệm cơ bản nhất, ba trách nhiệm còn lại của doanh nghiệp được xác định xung quanh trách nhiệm kinh tế [5].

Theo Hội đồng doanh nghiệp thế giới vì sự phát triển bền vững (WBCSD, 2001): *“TNXH là sự cam kết của doanh nghiệp để đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững, việc làm cho những người lao động, gia đình của họ, cộng đồng địa phương và xã hội nói chung nhằm cải thiện chất lượng sống của họ”* [13].



Hình 1. Mô hình tháp trách nhiệm xã hội [5]

Trong quá trình xây dựng chiến lược giai đoạn 2011-2014 về TNXH, Ủy ban châu Âu đưa ra định nghĩa mới: *“TNXH của doanh nghiệp là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các tác động của họ lên xã hội”* [9].

Từ các định nghĩa nêu trên có thể rút ra một số nhận xét về TNXH của doanh nghiệp như sau: là khái niệm đa chiều, liên quan tới nhiều chiều cạnh phát triển như quyền con người, lao động và việc làm, các vấn đề môi trường...; có thể được phân chia với cấp độ quan trọng khác nhau, phụ thuộc vào mục tiêu, quan điểm và bối cảnh nghiên cứu cụ thể.

b. Trách nhiệm xã hội môi trường của doanh nghiệp

Một số nghiên cứu về thực thi TNXH ở các nước đang phát triển đã chỉ ra rằng: thực thi TNXH cần gắn với bối cảnh kinh tế, chính trị và địa lý cụ thể. Điều này hàm ý, năng lực của các tổ chức, các nhà quản lý của doanh nghiệp ở các quốc gia khác nhau sẽ khác nhau trong việc hiểu và giải quyết các vấn đề. Ngoài ra, môi trường thể chế yếu kém ở các nước đang phát triển làm cho các doanh nghiệp không tự nguyện thực thi TNXH [9]. Ở các quốc gia đang phát triển phần lớn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thường không đủ nguồn lực để đầu tư cho đổi mới công nghệ, lập quỹ môi trường, tham gia nghiên cứu và phát triển [2].

Như vậy, TNXH môi trường của doanh nghiệp có thể hiểu là sự cam kết mang tính tự nguyện của doanh nghiệp đối với các tác động có thể gây ra cho môi trường tự nhiên và xã hội.

Trong bối cảnh Việt Nam và trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, việc vận dụng khái niệm TNXH môi trường của doanh nghiệp nên được nhìn nhận giống như trách nhiệm, nghĩa vụ tuân thủ pháp luật trong mô hình của Carroll, có nghĩa là: *“TNXH môi trường của doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng là những cam kết trong việc thực hiện trách nhiệm*

BVMT theo luật và các qui định liên quan trong quá trình hoạt động”.

c. Tiêu chí đánh giá trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp

Có nhiều tiêu chí để đánh giá TNXH môi trường của doanh nghiệp. Vintro và Comajuncosa (2010) sử dụng 4 tiêu chí đối với doanh nghiệp khai thác khoáng sản (khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; sử dụng công nghệ khai thác sạch; phục hồi môi trường sau khai thác; quản lý tình trạng khẩn cấp) [14]; Zhao và nnk (2012) sử dụng 5 tiêu chí đối với doanh nghiệp xây dựng (các biện pháp để giảm phát thải ô nhiễm; đánh giá tác động của dự án; thiết lập và cải thiện hệ thống quản lý môi trường của doanh nghiệp; tuân thủ luật và các qui định môi trường) [15].

Trong bài báo này, tác giả lựa chọn các tiêu chí sau để đánh giá TNXH môi trường của doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Thanh Liêm:

(1) Kế hoạch BVMT;

(2) Các công trình BVMT trong giai đoạn vận hành;

(3) Báo cáo quan trắc môi trường hàng năm;

(4) Ký quỹ cải tạo môi trường;

(5) Nộp các khoản thuế và phí môi trường;

(6) Thu gom và xử lý chất thải nguy hại;

(7) Cải tiến và áp dụng công nghệ mới.

3.2. Vấn đề môi trường liên quan tới khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng

Huyện Thanh Liêm có 16 xã và một thị trấn, diện tích tự nhiên 175,019 km², dân số trên 120 nghìn người (năm 2021).

Huyện có ranh giới giáp 5 huyện và 3 tỉnh: phía Đông, Đông Bắc giáp huyện Bình Lục và huyện Duy Tiên; phía Bắc giáp thành phố Phủ Lý; phía Tây Bắc giáp huyện Kim Bảng; phía Tây giáp huyện Lạc Thủy (Hòa Bình); phía Tây Nam giáp huyện Gia Viễn (Ninh Bình); phía Đông Nam giáp huyện Ý Yên (Nam Định).

Thanh Liêm được đánh giá có trữ lượng đá vôi lớn so với nhiều địa phương trên cả nước. Huyện có dãy núi đá vôi nằm phía Tây sông Đáy, trữ lượng hàng tỷ mét khối, tập trung tại 5 xã (Thanh Thủy, Kiện Khê, Thanh Nghị, Thanh Tân, Thanh Hải).

Theo số liệu thống kê (tính đến 31/3/2021), trên địa bàn huyện có 51 doanh nghiệp tham gia khai thác khoáng sản, 56 điểm mỏ khai thác. Trong đó, 44 doanh nghiệp khai thác đá vôi vật liệu xây dựng do tỉnh cấp phép, 5 doanh nghiệp khai thác đá vôi xi măng, 2 doanh nghiệp khai thác sét gạch ngói (Bảng 1).

Bảng 1. Số lượng doanh nghiệp, điểm mỏ khai thác đá vôi tại huyện Thanh Liêm
(tính đến thời điểm 31/3/2021)

	Số doanh nghiệp	Số mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng (triệu m ³)	Công suất khai thác (triệu m ³)
Đá vôi vật liệu xây dựng (do tỉnh cấp phép)	44	44	443,3	300,15	10,96
Đá vôi xi măng (do Bộ cấp phép)	5	10	256,52	412,06	15,09
Sét gạch ngói	2	2	38	1,67	0,085

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của UBND huyện Thanh Liêm

Mặc dù có những đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế, xã hội, song các doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng đã gây ra nhiều vấn đề môi trường, kéo dài trong nhiều năm. Kết quả quan trắc của Viện Khoa học Công nghệ và Môi trường (trước năm 2016) cho thấy, hàm lượng bụi tổng số cao hơn QCVN 05:2013/BTNMT từ 1,96 đến 3,09 lần, khí thải và tiếng ồn tại thị trấn Kiện Khê cao hơn từ 1,03 lần [16]; chất lượng nước sông Đáy bị suy giảm nghiêm trọng do các phương tiện giao thông, hoạt động của cầu cảng và xả thải trực tiếp của một số doanh nghiệp xuống sông.

Trước tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành và thực hiện Đề án 2617/ĐA-UBND ngày 4/11/2016 về giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực phía Tây sông Đáy (Đề án 2617). Thông qua Đề án, các Sở, ngành, địa phương đã thanh tra, kiểm tra, và xử lý hơn 5 nghìn trường hợp vi phạm quy định BVMT. Trong đó nhiều doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Thanh Liêm không thực hiện đúng cam kết trách nhiệm, nghĩa vụ BVMT theo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được phê duyệt.

Theo báo cáo sơ kết sau 5 năm thực hiện Đề án 2617, môi trường phía Tây sông Đáy đã có chuyển biến tích cực: nồng độ các chất ô nhiễm không khí như SO₂, NO₂, CO đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT; nồng độ bụi đã có thời điểm chuyển biến tích cực; 100% cầu cảng, máng rót tự phát đã được xử lý, hoặc buộc dừng hoạt động. Tuy nhiên, vẫn còn một số vi phạm như: một số doanh nghiệp chưa có giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành dự án; còn tình trạng xe chở quá tải, không phủ bạt làm rơi vãi vật liệu ra đường gây phát thải bụi; chưa vận hành thường xuyên các công trình BVMT, đặc biệt là hệ thống phun nước giảm thiểu bụi tại các trạm nghiền [11, 17, 18].

3.3. Các nghiên cứu trường hợp

- Công ty Cổ phần Xi măng Vissai Hà Nam

Công ty Cổ phần Xi măng Vissai Hà Nam (Vissai Hà Nam), bắt đầu đi vào hoạt động tại Thanh Liêm từ năm 2010, sản lượng trung bình khoảng 3 triệu tấn/năm. Hiện nay, Vissai Hà Nam có 2 mỏ khai thác đá vôi (mỏ Thung Hóp, xã Thanh Thủy và mỏ Thanh Tân, xã Thanh Tân) với trữ lượng ước tính hơn 61 triệu tấn.

Với 2 dây chuyền sản xuất xi măng: dây chuyền 1 được cấp giấy phép từ năm 2010 (mỏ Thung Hóp), dây chuyền 2 được cấp giấy phép năm 2017. Sản lượng khai thác mỗi dây chuyền khoảng 1,2 triệu tấn/năm. Tổng số lao động ở hai dây chuyền khoảng 631 người. Các sản phẩm chính là xi măng (CP30, CP40), Clinker và bán thành phẩm.

Hai dây chuyền đều được thiết kế theo công nghệ Nhật Bản (riêng các máy nghiền con lăn được nhập khẩu từ Đức), là công nghệ lò quay theo phương pháp khô, có Calcliner hệ ILC, đốt theo kiểu phân tán và có tháp trao đổi nhiệt 5 tầng cyclon. Khí thải lò và khí dư làm nguội

clinker được xử lý bằng lọc bụi tĩnh điện, nên khí thải ở đầu ra thường có hàm lượng NO_x thấp (nhỏ hơn 200 ppm). Nồng độ bụi đo tại ống khói thường dưới ngưỡng (30 mg/Nm³).

Phân tích kết quả phỏng vấn sâu và nội dung của các báo cáo ĐTM cho thấy, Vissai Hà Nam đã thực hiện đầy đủ các qui định của Nhà nước như xây dựng kế hoạch BVMT, đã hoàn thành các công trình BVMT trong giai đoạn vận hành (có hệ thống chụp mềm xuống tàu, hệ thống lọc bụi tay áo trong quá trình sản xuất hàng hóa...), xây dựng báo cáo đánh giá quan trắc môi trường định kỳ tại mỏ và hai dây chuyền sản xuất, đã ký quỹ cải tạo môi trường... (Bảng 2).

Bảng 2. Các hoạt động thể hiện trách nhiệm môi trường của Công ty Vissai Hà Nam

STT	Các hoạt động BVMT	Mức độ thực hiện
1	Kế hoạch BVMT	Thực hiện hàng năm
2	Các công trình BVMT trong giai đoạn vận hành	Đã thực hiện
3	Xây dựng báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng năm	Thực hiện thường xuyên
4	Ký quỹ cải tạo môi trường	Đã thực hiện
5	Đóng thuế tài nguyên và phí môi trường	Đã thực hiện
6	Thu gom và xử lý chất thải nguy hại	Đã thực hiện
7	Cải tiến và áp dụng công nghệ mới	Đã thực hiện

Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu tại doanh nghiệp, tháng 5/2022

Trong quá trình khai thác và vận chuyển nguyên liệu từ mỏ về nhà máy, Vissai Hà Nam đã áp dụng các biện pháp như che đậy tránh rơi vãi, phun nước dập bụi trong quá trình khai thác và trên các tuyến đường vận chuyển vật liệu từ mỏ về nhà máy, trồng cây xanh xung quanh khu mỏ, quét dọn đường, giữ khoảng cách từ nhà máy xi măng đến khu dân cư khoảng 6 km.

Đối chiếu với các tiêu chí, có thể đánh giá Vissai Hà Nam đã thực thi TNXH môi trường. Bằng chứng là, các báo cáo môi trường do công ty thực hiện trong năm 2021 cho thấy, hàm lượng các chất gây ô nhiễm không khí như bụi, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn quan trắc tại khu vực các mỏ và 2 dây chuyền sản xuất đều nằm dưới ngưỡng cho phép [6]. “*Trước áp lực của người*

dân, chính quyền địa phương, cơ quan báo chí, Công ty đã dành khoản đầu tư đáng kể cho công tác BVMT và cải tiến công nghệ. Từ năm 2019 đến nay, Công ty đã áp dụng công nghệ lọc bụi tĩnh điện, lắp đặt trạm quan trắc môi trường không khí tự động cho tất cả dây chuyền sản xuất” (PVS đại diện Vissai Hà Nam).

- Công ty Cổ phần Xi măng Xuân Thành

Công ty Cổ phần Xi măng Xuân Thành (Xi măng Xuân Thành) thuộc xã Thanh Nghị, có 2 mỏ khai thác đá được cấp phép năm 2019, trữ lượng trên 210 triệu tấn. Xi măng Xuân Thành hiện có 2 dây chuyền sản xuất, tổng công suất khoảng 5,5 triệu tấn/năm. Nhìn chung, các nhà máy, thiết bị sản xuất đều được thiết kế, chế tạo từ các hãng có uy tín của châu Âu và Nhật Bản.

Phân tích nội dung báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam về việc chấp hành các hoạt động BVMT trong khai thác khoáng sản đối với Xi măng Xuân Thành tại mỏ sét Khe Non cho thấy, Công ty đã chấp

hành đúng chính sách pháp luật, cam kết trong báo cáo ĐTM được phê duyệt. Đối chiếu với các tiêu chí về thực hiện TNXH môi trường ở Bảng 3, Công ty đã thực hiện TNXH môi trường.

Bảng 3. Các hoạt động thể hiện trách nhiệm môi trường của Công ty Xi măng Xuân Thành

STT	Các hoạt động BVMT	Mức độ thực hiện
1	Kế hoạch BVMT	Thực hiện hàng năm
2	Các công trình BVMT trong giai đoạn vận hành	Đã thực hiện
3	Xây dựng báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng năm	Thực hiện thường xuyên
4	Ký quỹ cải tạo môi trường	Đã thực hiện
5	Đóng thuế tài nguyên và phí môi trường	Đã thực hiện
6	Thu gom và xử lý chất thải nguy hại	Đã thực hiện
7	Cải tiến và áp dụng công nghệ mới	Đã thực hiện

Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu tại doanh nghiệp, tháng 5/2022

3.4. Thực hiện trách nhiệm xã hội môi trường từ quan điểm của người dân

Kết quả phỏng vấn sâu người dân về vấn đề ô nhiễm môi trường trong hoạt động khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng và TNXH môi trường của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này không tương đồng với kết quả báo cáo của doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Việc thiếu TNXH trong BVMT của một số doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Thanh Liêm đã gây bức xúc, sự phản đối mạnh mẽ của người dân địa phương sinh sống xung quanh các nhà máy.

“Tình trạng ô nhiễm bụi, tiếng ồn (từ máy xay đá, xe chở vật liệu và nổ mìn) tại thời điểm khảo sát so với 5 năm trước đã giảm hơn, nhưng tiếng ồn từ nổ mìn gây dư chấn dẫn tới nứt nhà cửa và tình trạng ô nhiễm bụi vẫn còn. Kể từ khi đi vào hoạt động, các công ty sản xuất xi măng gây nhiều ảnh hưởng đến môi trường và cuộc sống của người dân xung quanh, thậm chí nhiều lần xảy ra sự cố nghiêm trọng, khiến khói bụi độc hại chưa qua xử lý phát tán ra môi trường” (PVS người dân tại xã Thanh Thủy, tháng 5/2022).

Nhiều hộ dân sinh sống xung quanh các điểm mỏ, các nhà máy đã nhiều lần kiến nghị trong các buổi họp thôn, đoàn thể, hoặc họp tiếp xúc cử tri, nhưng xong rồi vẫn đề đậy, không thấy chuyển biến nhiều. *“Lợi ích kinh tế từ doanh nghiệp là rất rõ. Các doanh nghiệp góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương với thu nhập trung bình 9-10 triệu/tháng. Tuy nhiên, các tác động của doanh nghiệp lên môi trường và sức khỏe của người dân cũng không nhỏ. Doanh nghiệp chưa thực hiện tốt TNXH môi trường. Có thêm doanh nghiệp thì tốt cho phát triển kinh tế địa phương và việc làm cho thanh niên, nhưng phải đảm bảo về môi trường* (PVS người dân xã Thanh Thủy, tháng 5/2022).

3.5. Một số vấn đề đặt ra đối với thực thi trách nhiệm xã hội môi trường của doanh nghiệp

Từ kết quả nghiên cứu trường hợp, phỏng vấn người dân, chính quyền địa phương và doanh nghiệp bài viết rút ra một số nhận xét sau:

(1) Có sự khác biệt lớn giữa thông tin từ doanh nghiệp, chính quyền và người dân về TNXH môi trường của doanh nghiệp

Dữ liệu từ doanh nghiệp và chính quyền cho thấy, doanh nghiệp đã thực thi tốt TNXH môi trường; nhưng phân tích từ kết quả phỏng vấn người dân lại phản ánh một thực tế khác. Người dân cho rằng, doanh nghiệp chưa thực hiện tốt TNXH môi trường, vẫn gây ra tiếng ồn và bụi. Điều này đặt ra vấn đề về hiểu biết, nhận thức môi trường, tính chính xác và minh bạch hóa thông tin môi trường giữa các bên liên quan (doanh nghiệp, người dân địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, chính quyền địa phương) cũng như cần nâng cấp các tiêu chuẩn môi trường trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng.

(2) Về mặt lý thuyết, TNXH môi trường của doanh nghiệp là sự cam kết tự nguyện của doanh nghiệp trong đảm bảo giảm thiểu các tác động tiêu cực lên môi trường và xã hội

Điều này khó có thể đạt đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng ở huyện Thanh Liêm hiện nay. Vì vậy, để đảm bảo thực thi cần có sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng địa phương.

(3) Thiếu khung hướng dẫn thực thi TNXH môi trường của doanh nghiệp

Hệ thống pháp luật về quản lý và khai thác khoáng sản của Việt Nam tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các khung hướng dẫn thực thi TNXH môi trường của doanh nghiệp và các cơ chế, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp tự nguyện thực thi.

4. Kết luận

Trên phương diện lý thuyết, thực thi TNXH môi trường của doanh nghiệp được xem như sự cam kết tự nguyện của doanh nghiệp trong thực hiện các biện pháp BVMT vượt ra ngoài các qui định của pháp luật.

Thực thi TNXH môi trường của các doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng là một biện pháp hiệu quả trong giải quyết các vấn đề môi trường ở huyện Thanh Liêm.

Kết quả nghiên cứu trường hợp ở huyện Thanh Liêm cho thấy sự không đồng nhất trong đánh giá về kết quả thực hiện TNXH môi trường của doanh nghiệp giữa các bên liên quan (người dân, doanh nghiệp, chính quyền địa phương).

Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề nghị, cần đặt TNXH môi trường của doanh nghiệp gắn với bối cảnh địa lý, kinh tế và chính trị cụ thể; để cải thiện chất lượng và hiệu quả thực thi TNXH môi trường của doanh nghiệp, bên cạnh giải pháp phát huy tinh thần tự nguyện của mỗi doanh nghiệp, Nhà nước cần:

- Xây dựng cơ chế, chính sách và các hướng dẫn cụ thể hơn về thực hiện TNXH môi trường;
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về thực hiện chính sách BVMT đối với các doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng;
- Có cơ chế để các tổ chức chính trị xã hội và cộng đồng địa phương tham gia vào công tác giám sát việc thực hiện TNXH môi trường của doanh nghiệp;
- Minh bạch hóa thông tin về thực hiện TNXH môi trường của các doanh nghiệp.

Bài báo là sản phẩm của đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2022 “Trách nhiệm xã hội về môi trường của doanh nghiệp khai thác, chế biến đá vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Thanh Liêm, Hà Nam”, Viện Địa lý nhân văn chủ trì, TS. Đoàn Thị Thu Hương làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boachie-Mensa, F and Yeboah, A.Y (2015), *Environmental dimensions of corporate social responsibility and brand equity.*, European Journal of Applied Business Management, 1(2), 2015.
2. Bahadur, W and Waqqas, O. (2013), *Corporate Social Responsibility for a Sustainable Business*, Journal of Sustainable Society Vol. 2, No. 4, 2013.
3. Bowen, H.R (2013), *Social Responsibilities of the Businessman*, University of Iowa Press.
4. Camilleri, M.A. (2017), *Corporate Sustainability, Social Responsibility and Environmental Management: An Introduction to Theory and Practice with Case Studies*, Published by Springer Nature.
5. Carroll, A.B (1991), *The Pyramid of Corporate Social Responsibility: Toward the Moral Management of Organizational Stakeholders*, Business Horizons, P.39-48.
6. Công ty Cổ phần Vissai Hà Nam (2021), *Báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1, 2, 4 tại dây chuyền 1, dây chuyền 2, mỏ đá Thung Hóp.*
7. Dobers, P and Halme, M. (2009), *Corporate Social Responsibility and Developing Countries. Corporate Social Responsibility and Environmental Management Corp, Soc. Responsib. Environ. Mgmt.* 16, 237–249 (2009).
8. Jamali, D and Karam, C. (2016), *Corporate Social Responsibility in Developing Countries as an Emerging Field of Study*, International Journal of Management Reviews, Vol. 00, 1–30 (2016).
9. European Commission (2011), *A renewed EU strategy 2011-14 for Corporate Social Responsibility.*
10. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam (2020), *Báo cáo kết luận Thanh tra việc chấp hành BVMT, khoáng sản của Công ty CP Xi măng Xuân Thành; Báo cáo về việc lãnh đạo chỉ đạo thực hiện Kết luận 113-KL/TU ngày 19/3/2019 của Ban Thường vụ tỉnh ủy tỉnh Hà Nam.*
11. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam (2021), *Báo cáo hiện trạng môi trường giai đoạn 2016-2020.*
12. Rashid A.R.N.A et al. (2014), *Environmental Corporate Social Responsibility (ECSR) as a Strategic Marketing Initiatives*, Procedia - Social and Behavioral Sciences 130 (2014).
13. World Business Council for Sustainable Development (WBCSD) (2001), *The Business Case for Sustainable Development: Making a Difference Toward the Johannesburg Summit 2002 and Beyond.*
14. Vintró, C and Comajuncosa, J. (2010), *Corporate Social Responsibility in the mining industry: Criteria and Indicators*, Dyna, year 77, Nro. 161, pp. 3141. Medellín.
15. Zhao, Z.Y et al. (2012), *A corporate social responsibility indicator system for construction enterprises*, Journal of Cleaner Production, p.29-30.
16. Tim Stobierski (2021), *Types of corporate social responsibility to be aware of Social, Responsibility, Corporate*, Harvard Business School.
17. Việt Linh (2021), *Hà Nam sau 5 năm thực hiện Đề án 2617: Môi trường Tây sông Đáy cải thiện rõ rệt*, <https://baotainguyenmoitruong.vn/ha-nam-sau-5-nam-thuc-hien-de-an-2617-moi-truong-tay-song-day-cai-thien-ro-ret-335449.html>, truy cập ngày 24/5/2022.
18. Đỗ Thị Hoa (2020), *Hạn chế ô nhiễm môi trường phía tây sông Đáy*, <https://nhandan.vn/han-che-o-nhiem-moi-truong-phia-tay-song-ay-post449652.html>, truy cập 25/6/2022.

Thông tin tác giả:

Lê Văn Hà, Đoàn Thị Thu Hương – Viện Địa lí nhân văn
Địa chỉ: Số 176 Thái Hà, Hà Nội
Email: levanhakhxh@gmail.com; ĐT: 0973474310

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 23/7/2022
Biên tập: 8/2022